



zài zuò

在座

noun phrase · those present

Example Sentences

Gǎn xiè zài zuò de gè wèi lái bīn
感谢在座的各位来宾。

Thank you to all the guests present.

zài zuò de rén dōu tóng yì zhè ge jué dìng
在座的人都同意这个决定。

Everyone present agreed with this decision.

Trace each character, then write the word on your own.

在	在	在	在	在	在	在	在	在		
座	座	座	座	座	座	座	座	座	座	座
座	座									